TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĨNH BẢO** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2024/HS-ST
Ngày 31-5-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH BẢO, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thương Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Quyết

Bà Nguyễn Thị Tâm

- ***Thư ký phiên toà***: Ông Vũ Viết Hoàn - Thư ký Toà án nhân dân huyện VB, thành phố Hải Phòng.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện VB tham gia phiên toà*:** Bà Phạm Thị Nghĩa - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện VB, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 18/2024/TLST-HS ngày 22 tháng 3 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2024/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 5 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2024/QĐST-HS ngày 21 tháng 5 năm 2024 đối với bị cáo:

Nguyễn Thị M, sinh ngày 10-01-1986 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Thôn HĐ, xã CH, huyện VB, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Thiên chúa; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Bá D (đã chết) và bà Lương Thị D ; bị cáo có chồng là Nguyễn Thọ T (đã chết) và 03 con; tiền sự: Không: tiền án: Không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú kể từ ngày 02-02-2024 đến nay; có mặt

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị M: Bà Trần Thị T , Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước thành phố Hải Phòng; có mặt

Bị hại: Ông Phạm Văn L, sinh năm 1959; nơi cư trú: Thôn TK, xã TL , huyện VB, thành phố Hải Phòng; (chết ngày 18-9-2023)

Người đại diện hợp pháp của bị hại:

1. Bà Nguyễn Thị H (là vợ của ông Phạm Văn L); nơi cư trú: Thôn TK, xã TL , huyện VB, thành phố Hải Phòng; vắng mặt

2. Chị Nguyễn Thu Huyền (là con đẻ của ông Phạm Văn L); nơi cư trú: Thôn TK, xã TL , huyện VB, thành phố Hải Phòng; vắng mặt

3. Chị Phạm Thị Thúy H (là con đẻ của ông Phạm Văn L); nơi cư trú: LBT, thành phố BH, tỉnh Đồng Nai; vắng mặt

4. Chị Phạm Thị H (là con đẻ của ông Phạm Văn L); nơi cư trú: Thôn LT xã TL , huyện VB, thành phố Hải Phòng; vắng mặt

Người làm chứng: Ông Nguyễn Văn T ; ông Nguyên Thế C ; bà Khúc Thị Đ ; bà Bùi Thị D ; đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Thị M đăng ký kinh doanh ngành nghề thu mua phế liệu tại địa điểm Thôn 4, An Quý, xã CH huyện VB, thành phố Hải Phòng. Công việc chính tại cơ sở thu mua phế liệu của M là giặt vỏ bao phế liệu thành sản phẩm rồi xuất bán cho những đơn vị có nhu cầu thu mua vỏ bao. Tại cơ sở thu mua phế liệu của M có các loại máy móc gồm: Máy giặt bao, máy seo giấy, máy ép kiện (thành phẩm kiện hàng). M có thuê 04 người làm tại cơ sở của mình gồm: ông Phạm Văn L, sinh năm 1959 ở Thôn TK, xã TL , huyện VB; ông Nguyễn Văn T , sinh năm 1964 ở Thôn DL, xã TL , huyện VB; bà Khúc Thị Đ , sinh năm 1969 ở thôn TLA, xã ĐM, huyện VB và bà Bùi Thị D, sinh năm 1967 ở Thôn 6, HĐ, xã CH, huyện VB nhưng không ký hợp đồng lao động. M là chủ cơ sở và điều hành mọi hoạt động tại đây. Ông Phạm Văn L làm nhiệm vụ vận hành máy giặt, ông T làm nhiệm vụ vận hành máy seo giấy, bà Đ và bà D làm nhiệm vụ đếm hàng và cho hàng vào máy ép ngoài ra mọi người còn tập trung bốc hàng, rỡ hàng. Việc phân công công việc cho từng người là do M trực tiếp phân công bằng lời nói, không bằng văn bản. Trong quá trình sử dụng lao động, M chưa tổ chức huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động cho người lao động; chưa có phương án xử lý sự cố kỹ thuật gây mất an toàn, vệ sinh lao động nghiêm trọng, ứng cứu khẩn cấp và định kỳ tổ chức diễn tập theo quy định của pháp luật; chưa trang bị phương tiện kỹ thuật, y tế để đảm bảo ứng cứu, sơ cứu kịp thời khi xảy ra sự cố kỹ thuật gây mất an toàn, vệ sinh lao động nghiêm trọng, tai

nạn lao động. Quá trình làm việc tại cơ sở của M , khoảng 16 giờ 12 phút ngày 18 tháng 9 năm 2023, khi ông Phạm Văn L đang vận hành máy giặt vỏ bao xi măng thì bị cuốn vào trong máy dẫn đến tử vong.

Tại bản kết luận giám định tử thi số 287/KL-KTHS ngày 21-9-2023 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an thành phố Hải Phòng kết luận về nguyên nhân chết của ông Phạm Văn L như sau: "1. Dấu vết và cơ chế hình thành thương tích: Được mô tả chi tiết trong kết quả giám định. Các thương tích trên cơ thể nạn nhân phù hợp do vật tày tác động. 2. Nguyên nhân chết: Sốc đa chấn thương"

Tại bản kết luận giám định số 718/KL-KTHS ngày 15-12-2023 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an thành phố kết luận giám định về video thu được tại Cơ sở tái chế phế liệu của Nguyễn Thị M như sau: "Tìm thấy 05 tập tin Video có phần mở rộng "DAV" tổng dung lượng 207 MB có thời gian từ 16 giờ 00 phút ngày 18/9/2023 đến 16 giờ 30 phút ngày 18/9/2023 (theo thời gian hiển thị tệp tin) được lưu trong 01 thẻ nhớ nhãn hiệu DSS 32G đã qua sử dụng. Các tập tin Video trên không bị cắt ghép, chỉnh sửa nội dung hình ảnh. Trích xuất 10 hình ảnh nghi liên quan đến vụ việc được lập thành bản ảnh kèm theo" .

Tại công văn số 367/TTrSLĐTBXH ngày 29/12/2023 của Thanh tra sở Lao động thương binh và xã hội thành phố Hải Phòng kết luận về vụ tai nạn lao động tại cơ sở tái chế phế liệu của Nguyễn Thị M như sau:

" Kết luận ban đầu về vụ tai nạn lao động:

Đối chiếu với các quy định tại khoản 8 Điều 3 Luật An toàn, vệ sinh lao động, Điều 9 Nghị định số 39/2016/NĐ-CP ngày 15-5-2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn, vệ sinh lao động thấy:

Ông Phạm Văn L là người lao động tại xưởng tái chế phế liệu của bà Nguyễn Thị M bị tai nạn và tử vong, xảy ra trong quá trình lao động, gắn liền với việc thực hiện công việc, nhiệm vụ lao động. Vì vậy, vụ tai nạn này là tai nạn lao động.

Nguyên nhân ban đầu xảy ra tai nạn lao động:

Căn cứ kết quả điều tra sơ bộ của Đoàn điều tra tai nạn lao động thành phố Hải Phòng, các tài liệu, hồ sơ do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện VB cung cấp cho thấy: Nguyên nhân xảy ra tai nạn do lỗi của cả người lao động Phạm Văn L và bà Nguyễn Thị M (người sử dụng lao động), cụ thể: Ông Phạm Văn L: Trong quá trình làm việc không lường hết các yếu tố nguy hiểm có nguy cơ xảy ra tai nạn lao động vì vậy đã chủ quan, sơ suất, tự gây tai nạn cho bản thân. Bà Nguyễn Thị M: Chưa giao kết hợp đồng lao động bằng văn bản với người lao động theo quy định tại

khoản 1 Điều 14 Bộ luật Lao động; chưa tổ chức huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động cho người lao động theo quy định tại Điều 14 Luật An toàn, vệ sinh lao động; chưa có phương án xử lý sự cố kỹ thuật gây mất an toàn, vệ sinh lao động nghiêm trọng, ứng cứu khẩn cấp và định kỳ tổ chức diễn tập theo quy định của pháp luật; chưa trang bị phương tiện kỹ thuật, y tế để đảm bảo ứng cứu, sơ cứu kịp thời khi xảy ra sự cố kỹ thuật gây mất an toàn, vệ sinh lao động nghiêm trọng, tai nạn lao động theo quy định tại khoản 1 Điều 19 Luật An toàn, vệ sinh lao động.

Về máy, thiết bị gây tai nạn:

Kiểm tra danh mục các loại máy, thiết bị, vật tư, chất có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh lao động ban hành kèm theo thông tư số 36/2019/TT-BLĐTBXH ngày 30-12-2019 của Bộ lao động -Thương binh và Xã hội cho thấy: Máy giặt vỏ bao phế liệu tại cơ sở tái chế phế liệu của bà Nguyễn Thị M không thuộc danh mục các loại máy, thiết bị, vật tư, chất có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh lao động và không phải kiểm định kỹ thuật an toàn theo quy định tại Điều 31 Luật An toàn, vệ sinh lao động.

Qua tra cứu của Thanh tra Sở cho thấy: Chưa có tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn, vệ sinh lao động đối với máy giặt vỏ bao phế liệu trong vụ tai nạn này; đồng thời, chưa có quy định của pháp luật về việc không được sử dụng đối với thiết bị máy"

Về phần dân sự: Quá trình điều tra Nguyễn Thị M đã bồi thường cho đại diện hợp pháp của gia đình ông Phạm Văn L số tiền 80.000.000 đồng. Đại diện hợp pháp của gia đình ông Phạm Văn L không có yêu cầu bồi thường gì thêm và có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho Nguyễn Thị M.

Căn cứ tài liệu xác minh, ngày 18-01-2024 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện VB đã ra Quyết định khởi tố vụ án; ngày 02-02-2024 Quyết định khởi tố bị can đối với Nguyễn Thị M về tội Vi phạm quy định về an toàn lao động theo quy định tại khoản 1 Điều 295 Bộ luật Hình sự.

Bản cáo trạng số 21/CT-VKS ngày 21 tháng 3 năm 2024 Viện Kiểm sát nhân dân huyện VB đã truy tố Nguyễn Thị M về tội Vi phạm quy định về an toàn lao động theo điểm a khoản 1 Điều 295 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Thị M đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như bản cáo trang đã nêu.

Kết thúc phần xét hỏi, Kiểm sát viên trình bày lời luận tội khẳng định việc truy tố Nguyễn Thị M về tội Vi phạm quy định về an toàn lao động theo điểm a khoản 1

Điều 295 Bộ luật Hình sự là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Căn cứ tính chất, hậu quả của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 1 Điều 295, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 36 Bộ luật Hình sự tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị M phạm tội Vi phạm quy định về an toàn lao động, xử phạt M từ 18 đến 24 tháng cải tạo không giam giữ. Miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo trong thời gian cải tạo không giam giữ. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo. Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã bồi thường cho người đại diện hợp pháp của bị hại, đại diện hợp pháp của bị hại không yêu cầu bồi thường nên không xem xét giải quyết. Về án phí: Bị cáo thuộc hộ cận nghèo nên được miễn án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị M, bà Trần Thị Thúy Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước thành phố Hải Phòng nhất trí với tội danh mà Viện Kiểm sát nhân dân huyện VB đã truy tố đối với bị cáo Nguyễn Thị M. Về hình phạt: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, bởi quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải, sau sự việc xảy ra bị cáo đã tự nguyện bồi thường thiệt hại cho bị hại và được người đại diện hợp pháp của bị hại có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, bị cáo có bố đẻ là thương binh, mẹ đẻ là thanh niên xung phong được nhà nước tặng thưởng huân huy chương, có anh trai là liệt sỹ, bà nội là bà mẹ Việt Nam anh hùng, có 03 chú ruột là liệt sỹ. Mặt khác, trong quá trình làm việc bị hại ông Phạm Văn L cũng có một phần lỗi là không lường hết các yếu tố nguy hiểm có nguy cơ xảy ra tai nạn lao động vì vậy đã chủ quan, sơ suất, tự gây tai nạn cho bản thân. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 295, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 36 Bộ luật Hình sự cho bị cáo được hưởng mức hình phạt thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng. Về hình phạt bổ sung: Bị cáo thuộc hộ cận nghèo, điều kiện kinh tế khó khăn nên đề nghị hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo. Về trách nhiệm dân sự, đại diện hợp pháp của bị hại không yêu cầu bồi thường nên không xem xét. Về án phí: Bị cáo là hộ cận nghèo nên miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo theo quy định của pháp luật.

Tại lời nói sau cùng, bị cáo đề nghị hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện VB, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân huyện VB, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị hại, không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người đại diện hợp pháp của bị hại, người làm chứng, biên bản khám nghiệm hiện T , vật chứng thu được, kết luận giám định và các tài liệu chứng cứ khác. Có đủ cơ sở kết luận: Nguyễn Thị M là chủ cơ sở thu mua phế liệu tại địa điểm Thôn 4, An Quý, xã CH, huyện VB, thành phố Hải Phòng. Quá trình làm việc, M có thuê ông Phạm Văn L làm nhiệm vụ vận hành máy giặt vỏ bao phế liệu. Vào hồi 16 giờ 12 phút ngày 18 tháng 9 năm 2023, khi ông Phạm Văn L đang vận hành máy giặt vỏ bao xi măng thì bị cuốn vào trong máy dẫn đến tử vong. Nguyễn Thị M là người sử dụng lao động nhưng chưa giao kết hợp đồng lao động bằng văn bản với người lao động theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Bộ luật Lao động; chưa tổ chức huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động cho người lao động theo quy định tại Điều 14 Luật An toàn, vệ sinh lao động; chưa có phương án xử lý sự cố kỹ thuật gây mất an toàn, vệ sinh lao động nghiêm trọng, ứng cứu khẩn cấp và định kỳ tổ chức diễn tập theo quy định của pháp luật; chưa trang bị phương tiện kỹ thuật, y tế để đảm bảo ứng cứu, sơ cứu kịp thời khi xảy ra sự cố kỹ thuật gây mất an toàn, vệ sinh lao động nghiêm trọng, tai nạn lao động theo quy định tại khoản 1 Điều 19 Luật An toàn, vệ sinh lao động dẫn đến ông Phạm Văn L bị cuốn vào máy giặt vỏ bao xi măng gây tử vong. Do đó hành vi của bị cáo đã phạm tội "Vi phạm quy định về an toàn lao động" theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 295 Bộ luật hình sự. Như vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện VB truy tố bị cáo Nguyễn Thị M về tội "Vi phạm quy định về an toàn lao động " theo điểm a khoản 1 Điều 295 Bộ luật hình sự là có căn cứ phù hợp với pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến sự an toàn công cộng được pháp luật bảo vệ. Do đó, đối với bị cáo cần phải áp dụng hình phạt nghiêm mới có tác dụng giáo dục cũng như phòng ngừa chung.

[4] Xét về nhân thân và các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo Nguyễn Thị M không có tiền án, tiền sự. Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã tự nguyện bồi thường thiệt hại cho bị hại và được đại diện hợp pháp của bị hại có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, bị cáo có bố đẻ là thương binh, mẹ đẻ là thanh niên xung phong được nhà nước tặng thưởng huân huy chương, anh trai là liệt sỹ, có 03 chú ruột là là liệt sỹ, bà nội là bà mẹ Việt Nam anh hùng nên được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Trong quá trình làm việc ông Phạm Văn L cũng có một phần lỗi là không lường hết các yếu tố nguy hiểm có nguy cơ xảy ra tai nạn lao động vì vậy đã chủ quan, sơ suất, tự gây tai nạn cho bản thân nên M được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5] Về hình phạt: Trên cơ sở đánh giá tính chất, hậu quả của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo. Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo phạm tội lần đầu, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng, bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Vì vậy, để đảm bảo mục đích của hình phạt là răn đe, phòng ngừa tội phạm, đồng thời tạo điều kiện để giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt, cần áp dụng Điều 36 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo cho bị cáo cải tạo dưới sự giám sát của chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú là phù hợp.

[6] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 295 Bộ luật Hình sự, người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định. Tuy nhiên, do bị cáo là hộ cận nghèo, hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo như đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ.

[7] Theo quy định tại khoản 3 Điều 36 Bộ luật Hình sự, bị cáo có thể bị khấu trừ thu nhập. Bị cáo có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, nên miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo trong thời gian cải tạo không giam giữ.

[8] Theo quy định tại khoản 4 Điều 36 Bộ luật Hình sự, bị cáo phải thực hiện một số công việc lao động phục vụ cộng đồng trong thời gian cải tạo không giam giữ, tuy nhiên bị cáo thuộc hộ cận nghèo, một mình nuôi 03 con nhỏ và mẹ đẻ bị bại liệt, do đó không áp dụng biện pháp lao động phục vụ cộng đồng đối với bị cáo Nguyễn Thị M.

[9] Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra Nguyễn Thị M đã bồi thường cho người đại diện hợp pháp của ông Phạm Văn L số tiền 80.000.000 đồng (Tám mươi triệu đồng). Đại diện hợp pháp của ông Phạm Văn L không có yêu cầu bồi thường gì thêm và có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho Nguyễn Thị M.

[10] Về vật chứng: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện VB đã tạm giữ 01 máy giặt vỏ bao tại cơ sở thu mua phế liệu của M đồng thời giao cho Nguyễn Thị M bảo quản (theo biên bản giao vật chứng ngày 18-9-2023). Do chiếc máy giặt của M không thuộc danh mục các loại máy, thiết bị vật tư, chất có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn vệ sinh lao động, không phải kiểm định kỹ thuật theo Quy định tại Điều 31 Luật an toàn, vệ sinh lao động. Do đó cần trả lại cho bị cáo M quản lý, sử dụng đối với chiếc máy giặt vỏ bao

[11] Về án phí: Theo quy định tại khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điều 6, Điều 12, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội, bị cáo Nguyễn Thị M thuộc hộ cận nghèo nên miễn án phí hình sự cho bị cáo

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 295, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 36 Bộ luật Hình sự tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị M phạm tội "Vi phạm quy định về an toàn lao động".

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị M 18 (M tám) tháng cải tạo không giam giữ. Thời điểm bắt đầu chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan thi hành án hình sự nhận được quyết định thi hành án.

Miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo Nguyễn Thị M trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Bị cáo Nguyễn Thị M phải thực hiện một số công việc lao động phục vụ cộng đồng trong thời gian cải tạo không giam giữ. Thời gian lao động phục vụ cộng đồng không quá 04 (Bốn) giờ trong một ngày và không quá 05 (Năm) ngày trong một tuần.

Giao Nguyễn Thị M cho Ủy ban nhân dân xã CH, huyện VB, thành phố Hải Phòng giám sát giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Gia đình bị cáo Nguyễn Thị M có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Người chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ có thể vắng mặt tại nơi cư trú nếu có lý do chính đáng và phải xin phép theo quy định tại khoản 2 Điều 100 Luật Thi hành án hình sự, phải thực hiện khai báo tạm vắng theo quy định của pháp luật về cư trú. Thời gian vắng tại nơi cư trú mỗi lần không quá 30 ngày và tổng số thời gian vắng tại nơi cư trú không được vượt quá một phần ba thời gian chấp hành án, trừ T hợp bị bệnh phải điều trị tại cơ sở y tế theo chỉ định của bác sỹ và phải có xác nhận điều trị của cơ sở y tế đó.

Người chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ khi vắng mặt tại nơi cư trú phải có đơn xin phép và được sự đồng ý của Ủy ban nhân dân cấp xã được giao giám sát, giáo dục, T hợp không đồng ý thì Ủy ban nhân dân cấp xã phải trả lời bằng văn bản và nêu lý do. Người chấp hành án khi đến nơi cư trú mới phải trình báo với Công an cấp xã nơi mình đến tạm trú, lưu trú, hết thời hạn tạm trú, lưu trú phải có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc Công an cấp xã nơi tạm trú, lưu trú. T hợp người chấp hành án vi phạm pháp luật, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó đến tạm trú, lưu trú phải thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp xã được giao giám sát, giáo dục kèm tài liệu có liên quan.

Việc giải quyết T hợp người chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ thay đổi nơi cư trú thực hiện theo quy định tại Điều 68 Luật Thi hành án hình sự.

Căn cứ Điều 125 của Bộ luật Tố tụng hình sự, hủy bỏ biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú đối với bị cáo Nguyễn Thị M

Căn cứ Điều 124 Bộ luật Tố tụng Hình sự, tạm hoãn xuất cảnh đối với bị cáo Nguyễn Thị M trong thời gian cải tạo không giam giữ.

2. Về vật chứng: Trả lại cho bị cáo Nguyễn Thị M 01 chiếc máy giặt. (Vật chứng Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện VB đã bàn giao cho Nguyễn Thị M bảo quản theo biên bản ngày 18-9-2023)

3. Về án phí: Căn khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Căn cứ Điều 6, Điều 12, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội; miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Nguyễn Thị M.

Bị cáo có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, người đại diện hợp pháp của bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

T hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện VB;
- Sở Tư pháp thành phố Hải Phòng;
- Công an thành phố Hải Phòng (PV06, PC10);
- Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện VB;
- Cơ quan Thi hành án hình sự huyện VB;
- Chi cục THADS huyện VB thành phố Hải Phòng;
- UBND xã CH, huyện VB thành phố Hải Phòng;
- Bị cáo;
- Người bào chữa cho bị cáo;
- Người đại diện hợp pháp của bị hại;
- Lưu: HCTP, hồ sơ vụ án

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thương Huyền